

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-12-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Châu Giang

2. Ông Trần Hoài Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã H cũ, nay là xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hoà hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng, ngồi nói chuyện với nhau là vợ chồng lại cãi nhau. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Th.

Về con chung: Có 04 cháu: Nguyễn Thu Tr sinh ngày 20/7/2004; Nguyễn Mạnh Q sinh ngày 22/7/2006; Nguyễn Minh Á sinh ngày 27/4/2011; Nguyễn Bảo

T sinh ngày 04/4/2020. Khi ly hôn về con chung cháu Tr đã trưởng thành tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Q và cháu Á có nguyện vọng ở với tôi, cháu T còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cả ba cháu Q; cháu Á; cháu T và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi đi làm thuê và buôn bán thu nhập một tháng cố định là 10.000.000 đồng và còn thêm các khoản khác được khoảng 5.000.000 đồng. Tổng cộng 15.000.000 đồng đủ để tôi nuôi các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Th không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh Th tại thôn Đ, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Qua xác minh tại Công an xã X, huyện V thì anh Th hiện nay vẫn có mặt ở nhà và không đi làm ăn xa ở đâu cả. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh Th. Anh Th đã trực tiếp nhận và anh Th biết việc Tòa án báo gọi để giải quyết việc chị K xin ly hôn anh. Nhưng anh Th không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Mạnh Q sinh ngày 22/7/2006; Nguyễn Minh Á sinh ngày 27/4/2011; Nguyễn Bảo T sinh ngày 04/4/2020 cho chị Nguyễn Thị K nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H cũ, nay là xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 30 tháng 8 năm 2002 là hôn nhân hợp pháp. Chị K cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hoà hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng, ngồi nói chuyện với nhau là vợ chồng lại cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị K xin ly hôn anh Th là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và quá trình xác minh tại địa phương đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị K và anh Th hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị K được ly hôn anh Th là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 04 cháu: Nguyễn Thu Tr sinh ngày 20/7/2004; Nguyễn Mạnh Q sinh ngày 22/7/2006; Nguyễn Minh Á sinh ngày 27/4/2011; Nguyễn Bảo T sinh ngày 04/4/2020. Cháu Tr đã trưởng thành chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Chị K có nguyện vọng nuôi cả ba cháu Q; cháu Á; cháu T và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Các cháu Nguyễn Mạnh Q và Nguyễn Minh Á có đơn nguyện vọng ở với chị K. Cháu Nguyễn Bảo T còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của các cháu, không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu. Do vậy cần giao các cháu Nguyễn Mạnh Q; Nguyễn Minh Á; Nguyễn Bảo T cho chị Nguyễn Thị K nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị K về nuôi con chung không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Mạnh Q sinh ngày 22/7/2006; Nguyễn Minh Á sinh ngày 27/4/2011; Nguyễn Bảo T sinh ngày 04/4/2020 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0001816 ngày 04 tháng 10 năm 2023 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã X
- Lưu HS (2)-TQĐ(2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng